

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015

CHÁNH VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Tổ Thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND và Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Văn phòng UBND tỉnh phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng, ban, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Giám đốc Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Khoa học và Công nghệ (đề T/hợp);
- VPUB: Ban TVĐU, CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, Tổ Thư ký ISO.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Lê Quốc Đạt

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN VĂN PHÒNG UBND TỈNH
QUẢNG NGÃI ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN
ISO 9001:2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 141 /QĐ-VP ngày 14 tháng 12 năm 2020
của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)*

T T	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng				
1.	Chính sách chất lượng	CSCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	01	
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	01	
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	01	
II. Quy trình giải quyết TTHC				
10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.CNXD-01	01	
11	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.CNXD-02	01	
12	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	QT.CNXD-03	01	
13	Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (dự án nhóm B,C)	QT.CNXD-04	01	

14	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng	QT.CNXD-05	01	
15	Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (dự án nhóm B,C)	QT.CNXD-06	01	
16	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng	QT.CNXD-07	01	
17	Thủ tục thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng	QT.CNXD-08	01	
18	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT.KT-01	01	
19	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	QT.KT-02	01	
20	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	QT.KT-03	01	
21	Quyết định thanh lý tài sản công	QT.KT-04	01	
22	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B	QT.KT-05	01	
23	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án nhóm C	QT.KT-06	01	
24	Thủ tục thẩm định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong việc mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước (trừ việc mua sắm tài sản gắn với dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn đầu tư XDCB và đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh	QT.KT-07	01	
25	Đề nghị tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh (thành tích hàng năm)	QT.NC-01	01	
26	Đề nghị Bằng khen cấp tỉnh thành tích hàng năm theo đợt hoặc theo chuyên đề	QT.NC-02	01	
27	Đề nghị tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh thành tích đối ngoại	QT.NC-03	01	
28	Đề nghị tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh thành tích đợt xuất	QT.NC-04	01	
29	Đề nghị tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	QT.NC-05	01	
30	Đề nghị tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua cấp tỉnh	QT.NC-06	01	
31	Đề nghị tặng thưởng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc	QT.NC-07	01	

32	Cấp phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC	QT.NC-08	01	
33	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT.HCC-01	01	
34	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.HCC-02	01	
35	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	QT.HCC-03	01	
36	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng	QT.HCC-04	01	
37	Thẩm định chủ trương dự án đầu tư công	QT.TH-01	01	
38	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư công	QT.TH-02	01	
39	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	QT.KGVX-01	01	
40	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	QT.KGVX-02	01	
41	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	QT.KGVX-03	01	
42	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT.KGVX-04	01	
43	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia	QT.KGVX-05	01	
44	Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia	QT.KGVX-06	01	
45	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nỗ mìn và các hoạt động gây nổ khác (trong phạm vi công trình thủy lợi) thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	QT.NNTN-01	01	
46	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	QT.NNTN-02	01	

47	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác (trong phạm vi công trình thủy lợi) thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	QT.NNTN-03	01	
48	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản (trong phạm vi công trình thủy lợi) thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	QT.NNTN-04	01	
49	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.NNTN-05	01	
50	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	QT.NNTN-06	01	
51	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	QT.NNTN-07	01	
52	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi	QT.NNTN-08	01	
53	Phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	QT.NNTN-09	01	
54	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	QT.NNTN-10	01	
III. Quy trình quản lý nội bộ				
55	Tiếp nhận, trình xử lý văn bản đến của UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh	QT.HCTC-01	01	
56	Tiếp nhận và phát hành văn bản đi của UBND tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh	QT.HCTC-02	01	
57	Lập và nộp hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại Văn phòng UBND tỉnh	QT.HCTC-03	01	
58	Ban hành Danh mục hồ sơ hàng năm của Văn phòng UBND tỉnh	QT.HCTC-04	01	
59	Xuất bản Công báo điện tử	QT.CBTH-01	01	